

Bản án số: 142/2022/DS-PT
Ngày 13 - 7 - 2022
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cúa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2022/QĐPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Ngô Thị X, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T1, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Ông Ngô Thanh P, sinh năm 1967 (có mặt);

2. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1967 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T2, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Ngô Thanh P: Anh Nguyễn Thành P2, sinh năm 1996 (Giấy uỷ quyền ngày 19/02/2020, có mặt);

Địa chỉ: ấp T1, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị B, sinh năm 1945 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T3, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1951 (vắng mặt).

4. Chị Trương Thị Kim T1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

5. Chị Ngô Thị Mỹ N, sinh năm 1999 (vắng mặt).

6. Chị Võ Thị T2, sinh năm 1987 (vắng mặt).

7. Anh Ngô Văn B1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

8. Chị Trần Ngọc T3, sinh năm 1982 (vắng mặt).

9. Bà Võ Thị Cá N1, sinh năm 1958 (vắng mặt).

10. Anh Ngô Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T2, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Ngô Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/11/2021, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị X trình bày:

Cha bà là Ngô Văn G mất tháng 5 năm 1988, mẹ bà là Phạm Thị G1 chết ngày 02/11/2016. Lúc sinh thời cha mẹ bà có tất cả là 06 người con gồm: Ngô Thị B, Ngô Thị T, Ngô Văn Đ, Ngô Thị X, Ngô Thị H và Ngô Thanh P. Ông G, bà G1 không có con riêng, con nuôi. Cha và mẹ của ông G, bà G1 tất cả đều chết từ lâu.

Vào năm 1975, ông Ngô Văn G có mua miếng đất của bà BH ở ấp T2, xã T diện tích khoảng hơn 2 công loại đất nền nhà, hiện phần đất này thuộc thửa 39, 40, 41, tờ bản đồ số 16, xã T do ông Ngô Thanh P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 39, 40), thửa 41 chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất thì cha, mẹ bà đã cất nhà ở tại phần đất này một phần, một phần thì ông Ngô Văn Đ và con ông là Ngô Văn B1 cất nhà để ở và phần còn lại trồng hoa màu. Hai thửa đất số 39, 40 lúc ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tất cả các chị, em trong nhà đều không ai biết. Do hoàn cảnh nghèo nên bà xin ông P một phần đất để cất nhà ở ông P không đồng ý nên khi bà có đơn khởi kiện thì mới biết được ông P đã được nhà nước cấp giấy.

Đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 16 do ông Ngô Thanh P kê khai đăng ký đất thì bà yêu cầu được nhận thừa kế kỷ phần của bà có diện tích là 40,8m² theo số

liệu đo đạc thực tế của Tòa án đã đo và yêu cầu nhận ngay nhà của con bà là Trương Thị Kim T1 đang cất nhà ở.

Đối với thửa đất ở ngoài biển theo kết quả đo đạc của Tòa án là một phần thửa 252 và một phần thửa 271, tờ bản đồ số 18 có nguồn gốc là do cha mẹ khai khẩn từ trước năm 1975 và hiện giờ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, hiện ông P đang quản lý, sử dụng theo kết quả đo đạc của Tòa án ngày 10/3/2021 có tổng diện tích là 2046,6m².

Tại phiên tòa, bà X trình bày do hoàn cảnh của bà quá nghèo khổ, không có mảnh đất nào để cất nhà ở, thấy vậy Ủy ban nhân dân xã T tạm thời cho bà cất nhà ở ngay chân đê quốc phòng chờ Tòa án giải quyết xong vụ án có đất thì ủy ban sẽ cho cất căn nhà tình thương. Do đó, bà X yêu cầu ông P chia thừa kế diện tích đất giồng tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 để bà cất nhà ở, bà yêu cầu được nhận ngay vị trí đất giáp thửa 38, có chiều ngang là 6m, còn chiều dài hết đất của thửa 39. Cụ thể phần bà yêu cầu chia là:

Phần diện tích đất bà yêu cầu nhận tại các điểm: A, A1, E2, F có tổng diện tích là 285,8m² tại các thửa 39-3 và 38-1 (theo họa đồ ngày 08/6/2021).

Đối với các thửa đất ở ngoài biển là một phần thửa 252, 271, tờ bản đồ số 18 bà yêu cầu chia thừa kế cho bà nhưng bà yêu cầu được nhận giá trị, không nhận bằng hiện vật. Phần của bà yêu cầu nhận diện tích 341,1m² có giá trị là 170.500.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/11/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:

Bà yêu cầu ông P phải chia thừa kế cho bà theo quy định của pháp luật, phần của bà yêu cầu nhận liền kề với phần của bà X đã được Tòa án phân chia, có chiều ngang 6m, chiều dài hết đất của thửa 39, cụ thể tại các điểm A1, A2, E1, E2 tại thửa 39-4, diện tích 286,8m².

Đối với thửa đất ở ngoài biển một phần thửa 252, 271, tờ bản đồ số 18 thì bà yêu cầu chia thừa kế cho bà nhưng bà yêu cầu được nhận giá trị, không nhận bằng hiện vật. Phần của bà yêu cầu nhận diện tích 341,1m² có giá trị là 170.500.000 đồng.

Đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 16 thì bà H không có yêu cầu ông P chia thừa kế thửa đất này.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2019 của ông Ngô Văn P và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Văn P trình bày:

Trước đây cha mẹ ông có tài sản nhưng năm 1980 thì cha ông đã cho ông tất cả vì ông là con trai út ở chung với ông bà. Hơn nữa, khi cha mẹ ông còn sống có nói: “con gái có chồng ra riêng thì không có cho đất mà chỉ cho con trai thôi”. Cụ thể:

Năm 1980 cha ông đã cho ông phần đất rừng 327 độ khoảng 3-4 công, hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do ông đang chiếm giữ diện tích đất này, thửa đất này ông đã kê khai đứng tên là thửa 252, 271, tờ bản đồ số 18. Theo kết quả đo đạc thực tế của Tòa án ngày 10/3/2021 thì phần diện tích đất này thuộc một phần của thửa 252 và một phần của thửa 271, tờ bản đồ số 18 thì tổng diện tích của phần đất này là 2046,8m². Đối với phần diện tích đất còn lại của hai thửa trên là do ông mua của bà Lê Thị C và mua của ông H1.

Phần đất thửa 39, 40, tờ bản đồ số 16 thì ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu rồi, ông đã cho ông Đ cất nhà ở một phần, phần còn lại là đất trống.

Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 16 do ông đứng tên trong hồ sơ địa chính nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà X, bà H thì ông không đồng ý và đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để yêu cầu chia di sản của ông G đã hết (trên 30 năm).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2019 bà Ngô Thị B trình bày:*

Cha bà là Ngô Văn G mất năm 1988 và mẹ bà là Phạm Thị G1 mất ngày 03/10/2016 âm lịch. Hiện ông G do ông P thờ cúng còn bà G1 thì do bà H thờ cúng.

Cha, mẹ bà có 06 người con gồm: Ngô Thị B, Ngô Thị T, Ngô Văn Đ, Ngô Thị X, Ngô Thị H và Ngô Thanh P.

Khi cha, mẹ của bà chết có để lại những tài sản gồm:

- Thửa đất ở Cồn Tàu, số thửa, diện tích bà không rõ nhưng do ông P đang nuôi tôm, trồng dưa;

- Một mẻ đất giồng do ông P đứng tên sổ đỏ. Ông Đ quản lý một nửa đã cất nhà ở và còn một nửa thì ông P trồng củ cải, củ sắn.

Bà là chị cả trong gia đình, tuy nhiên đối với bà thì trong vụ kiện này bà từ chối nhận di sản của cha mẹ để lại, kỷ phần của bà thì bà cũng không cho ai mà do Tòa án quyết định theo của pháp luật.

Bà đề nghị Tòa án khi giải quyết không mời bà tham gia tố tụng, bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2019 bà Ngô Thị T trình bày:*

Cha bà là Ngô Văn G mất năm 1988 và mẹ bà là Phạm Thị G1 mất ngày 02/11/2016. Hiện ông G do ông P thờ cúng còn bà G1 thì do bà H thờ cúng. Ông G, bà Ngân khi chết không để lại di chúc.

Cha mẹ bà có 06 người con gồm: Ngô Thị B, Ngô Thị T, Ngô Văn Đ, Ngô Thị X, Ngô Thị H và Ngô Thanh P.

Khi cha mẹ bà chết có để lại những tài sản gồm:

- Thửa đất ở Cồn Tàu, số thửa, diện tích bà không rõ nhưng do ông P đang nuôi tôm, trồng dưa;

- Một mẻ đất giống do ông P đứng tên sở hữu. Ông Đ quản lý một nửa đã cất nhà ở và còn một nửa thì ông P trồng của cải, củ sắn.

Bà là chị trong gia đình, tuy nhiên đối với bà thì trong vụ kiện này, bà từ chối nhận di sản của cha mẹ để lại, kỷ phần của bà thì bà cũng không cho ai mà do Tòa án quyết định theo của pháp luật.

Bà đề nghị Tòa án khi giải quyết không mời bà tham gia tố tụng, bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ *Tại bản tự khai ngày 30/7/2019, Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2019 và tại phiên tòa, ông Ngô Văn Đ trình bày:*

Cha ông là Ngô Văn G chết ngày 19/5/1988 và mẹ bà Phạm Thị G1 chết ngày 02/11/2016. Cha mẹ ông có 06 người con gồm: Ngô Thị B, Ngô Thị T, Ngô Văn Đ, Ngô Thị X, Ngô Thị H và Ngô Thanh P. Ông G, bà G1 chết không để lại di chúc.

Lúc ông G còn sống có những tài sản như sau:

- 01 miếng đất ở Cồn Tàu.

- 01 miếng đất giống tọa lạc tại ấp T2. Hiện tại, trên miếng đất giống thì ông và con ông (Bên) đã có cất nhà ở trên đó vào năm 1982, ông đang chiếm giữ thửa đất 40, tờ bản đồ số 16 nhưng do ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất trên thì lúc cha mẹ ông còn sống đã cất nhà ở trên đó, đến năm 2006 bão sập nhà ông P dỡ nhà nên hiện là đất trống dùng trồng giống (củ cải, củ sắn).

Vào năm 1980 do ông P ở chung nhà với cha, mẹ nên ông G, bà G1 nói là cho toàn bộ đất đai cho ông P nên năm 1980 toàn bộ đất đai đều do ông P đứng tên. Khi bà G1 còn sống không đứng tên thửa đất nào cả.

Khi cha, mẹ ông còn sống có đất nhưng không có phân chia cho người con nào trong gia đình cả.

Ông xác định khi cha, mẹ chết không có để lại tài sản gì cả nên trong vụ án này thì ông không có yêu cầu chia thừa kế.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2021 bà Võ Thị H1 (vợ ông P) trình bày:

Bà về chung sống với ông P vào năm 1988, gia đình có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, chưa chuyển hộ khẩu về ở cùng ông P, đến năm 1992 thì mới chuyển hộ khẩu về ở cùng với ông P tại ấp T2, xã T. Từ lúc mới cưới năm 1988 thì bà đã về sống cùng nhà với mẹ ông P tại khu vực thửa đất 39, 40, 41 hiện nay đang có tranh chấp, sống chung được 10 năm thì bà không sống cùng bà G1 nữa vì có sự xích mích giữa bà X, bà H.

Từ khi về chung sống với ông P thì bà được nghe chồng bà nói là mảnh đất này là của cha, ông G đã cho ông P rồi.

Vào năm 1988 khi bà về ở tại mảnh đất này thì đã thấy bà X có cất căn nhà trên mảnh đất trên, ở được khoảng 2-3 năm thì dỡ đi nơi khác. Khi bà X dỡ nhà đi thì ông Đ mới dời nhà từ đất ở ngoài biển về đất giồng này cất nhà ở cho đến ngày nay luôn.

Tôi xác định thửa đất 39, 40, 41, tờ bản đồ số 16 là đất của cha chồng và mẹ chồng cho ông Ngô Thanh P. Do đó, với tư cách là thành viên trong hộ gia đình thì bà không có quyền gì về tài sản này.

Đối với thửa đất ở ngoài biển mà Tòa án tiến hành đo đạc ngày 16/3/2021 thì nguồn gốc là đất của cha chồng là ông G đã cho ông P từ lúc ông P còn mười mấy tuổi vì bà ở gần xóm nên bà biết. Từ năm 1988 ông P cưới bà thì đã cùng ông P canh tác phần đất này rồi. Hiện tại, các thửa đất 251, 271, tờ bản đồ số 18 do ông Ngô Thanh P kê khai, đăng ký nhưng chưa được cấp sổ đỏ theo quy định.

Hiện tại thửa đất 39 phần đất trống thì năm 2014 vợ chồng bà đã đổ 40 xe cát, mỗi xe là 3m³ là 120m³ đất để nâng cao nền đất lên.

Hiện tại, tất cả các thửa đất 39, 40, 41, tờ bản đồ số 16 và thửa đất 252, 271, tờ bản đồ số 18 do bà cùng ông P đang trực tiếp canh tác, sử dụng, ngoài ra không còn ai khác. Bà xác định toàn bộ các thửa đất đang có tranh chấp thì đây là tài sản của cha chồng cho chồng bà, bà không đồng ý chia thừa kế gì cho bà X, bà H.

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2021 chị Ngô Thị Mỹ N trình bày:*

Các thửa đất số 39, 40, 41, tờ bản đồ số 16; thửa đất số 252, 271, tờ bản đồ số 18 chị không biết nguồn gốc ở đâu cha chị là ông Ngô Thanh P canh tác, chị hoàn toàn không có quản lý, canh tác trên các thửa đất trên mà bà X, bà H có tranh chấp.

Chị thừa nhận có ký tên chuyển quyền sử dụng từ hộ sang cá nhân cho ông Ngô Thanh P vay tiền ở Ngân hàng Đông Á, chị hoàn toàn không biết gì về mình là thành viên trong hộ đã được nhà nước cấp đất.

Trong vụ kiện bà X, bà H có yêu cầu chia thừa kế, chị không có yêu cầu gì trong vụ án này, chị xác định chị không có quyền, nghĩa vụ gì đối với các thửa đất có tranh chấp hiện nay nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2021 chị Võ Thị T2 trình bày:*

Chị là con đẻ của bà Võ Thị H1, ông Ngô Thanh P là cha dượng, chị đã ở chung với ông P và bà H1 từ nhỏ.

Các thửa đất số 39, 40, 41 tờ bản đồ số 16; thửa đất số 252, 271, tờ bản đồ số 18 chị không biết nguồn gốc ở đâu cha chị là ông Ngô Thanh P canh tác, chị hoàn toàn không có quản lý, canh tác trên các thửa đất trên mà bà X, bà H có tranh chấp.

Chị thừa nhận có ký tên chuyển quyền sử dụng từ hộ sang cá nhân cho ông Ngô Thanh P vay tiền ở Ngân hàng Đông Á, chị hoàn toàn không biết gì về mình là thành viên trong hộ đã được nhà nước cấp đất.

Trong vụ kiện bà X, bà H có yêu cầu chia thừa kế, chị không có yêu cầu gì trong vụ án này, chị xác định chị không có quyền, nghĩa vụ gì đối với các thửa đất có tranh chấp hiện nay nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2021, chị Trần Ngọc T3 (vợ anh Ngô Văn B1) trình bày:*

Vợ chồng chị được cha anh Bền là ông Ngô Văn Đ cho một phần đất để cất nhà ở tại các thửa đất có tranh chấp và Tòa án có đo đạc nên không có ý kiến gì trong việc kiện thừa kế của bà X, bà H và đối với vợ chồng chị thì Tòa án giải quyết sao thì vợ chồng chị chịu vậy.

Do hoà giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Áp dụng các Điều 157, 158, 165, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 609, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự; Điều 100, 101, 167 của Luật đất đai và Án lệ số 26/2018/AL; Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Điều 12, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Thị G1 và cụ Ngô Văn G chết để lại gồm:

+ Thửa đất số 39, 40, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Ngô Thanh P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2014.

+ Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Ngô Thanh P đứng tên trong sổ địa chính.

+ Một phần thửa đất số 252, 271, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre có diện tích 2046,8m² thuộc thửa 252-1 và 271-1 do ông Ngô Thanh P đứng tên trong sổ địa chính theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/3/2021 kèm theo.

2. Ghi nhận sự kiện ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Thanh P chưa có yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông G và bà G1 chết để lại trong cùng vụ kiện này.

3. Ghi nhận sự kiện bà Ngô Thị B, Ngô Thị T từ chối nhận toàn bộ di sản của ông Ngô Văn G và bà Phạm Thị G1 chết để lại.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi Ngô Thị H, Ngô Thị X về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1.

5. Bà Ngô Thị X được nhận kỷ phần thừa kế ở thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 có diện tích là 285,8m² biểu thị tại thửa 39-3 diện tích 285,7 m² và thửa 38-1 diện tích 0,1m² theo họa đồ ngày 08/6/2021 kèm theo.

6. Bà Ngô Thị X được nhận kỷ phần thừa kế ở thửa đất 41, tờ bản đồ số 16, diện tích là 40,8m² biểu thị tại thửa 41-2 diện tích 39,4m² + thửa 11 diện tích 1,4m² theo họa đồ ngày 08/6/2021 kèm theo. Thực tế chị Trương Thị Kim T1 đang quản lý, sử dụng phần đất này. Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng bắc giáp thửa 11; hướng nam giáp đường; hướng đông giáp thửa 41 còn lại; hướng tây giáp thửa 41 còn lại.

7. Buộc ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1 phải có nghĩa vụ giao cho bà Ngô Thị X phần diện tích đất ở thửa số 39, tờ bản đồ số 16, xã T diện tích là 285,8m² biểu thị tại thửa 39-3 diện tích 285,7m² và thửa 38-1 diện tích 0,1m² theo họa đồ ngày 08/6/2021 kèm theo. Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng bắc giáp đường; hướng nam giáp thửa 65; hướng đông giáp thửa 39 còn lại; hướng tây giáp thửa 38.

8. Bà Ngô Thị X được nhận kỷ phần thừa kế ở thửa đất 252, 271, tờ bản đồ số 18, xã T có diện tích là 341m² nhưng được nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 170.500.000 (một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc ông Ngô Thanh P phải có nghĩa vụ giao số tiền 170.500.000 (một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn) đồng cho bà Ngô Thị X khi bản án có hiệu lực pháp luật.

9. Bà Ngô Thị H được nhận kỷ phần thừa kế ở thửa số 39, tờ bản đồ số 16, tại thửa 39-4 diện tích 286,8m² theo họa đồ ngày 08/6/2021 kèm theo.

Ghi nhận bà Ngô Thị H không yêu cầu nhận thừa kế ở thửa số 41, tờ bản đồ số 16 do ông P đứng tên trong hồ sơ địa chính.

Buộc ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1 phải có nghĩa vụ giao cho bà Ngô Thị H phần diện tích đất ở thửa số 39, tờ bản đồ số 16, tại thửa 39-4 diện tích 286,8m². Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng bắc giáp đường; hướng nam giáp thửa 65; hướng đông giáp thửa 39 còn lại; hướng tây giáp phần đất mà bà X được chia.

10. Buộc bà Ngô Thị X phải có nghĩa vụ hoàn trả chi phí đổ cát cho ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1 số tiền là 4.463.000 (bốn triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

11. Bà Ngô Thị H được nhận kỷ phần thừa kế ở thửa đất 252, 271, tờ bản đồ số 18, xã T có diện tích là 341m² nhưng được nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 170.500.000 (một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc ông Ngô Thanh P phải có nghĩa vụ giao số tiền 170.500.000 (một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn) đồng cho bà Ngô Thị X khi bản án có hiệu lực pháp luật.

12. Buộc bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả chi phí đổ cát cho ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1 số tiền là 4.478.600 (bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm) đồng.

13. Tạm giao cho ông Ngô Văn Đ được tiếp tục quản lý di sản của ông G và bà G1 chết để lại chưa được phân chia phần của ông Đ và ông P đối với toàn bộ diện tích đất ở thửa số 40, tờ bản đồ số 16 mà ông đang quản lý, sử dụng biểu thị ở các điểm: E, D, C, B, thể hiện ở các thửa 39-2 diện tích 8,1m², thửa 40 diện tích 732,8m², thửa 42-1 diện tích 12,5m² và thửa 63-1 diện tích 1,5m².

Thửa số 41, tờ bản đồ số 16 mà ông đang quản lý sử dụng biểu thị ở các điểm G, H, I, H thể hiện ở các thửa 43 diện tích 1,8m² + thửa 12 diện tích 2,2m² và thửa 41-1 diện tích 96,6m².

Tạm giao cho ông Ngô Thanh P được tiếp tục quản lý di sản của ông G và bà G1 chết để lại chưa được phân chia phần của ông Đ và ông P đối với toàn bộ diện tích đất ở thửa số 40, tờ bản đồ số 16 mà thực tế ông đang quản lý, sử dụng theo họa đồ ngày 08/6/2021 ở thửa 39-5 biểu hiện tại các điểm A2, B, E, E1. Thửa số 41, tờ bản đồ số 16 biểu thị ở thửa 11-1 và thửa 41-3 biểu thị tại các điểm M, J, K, L.

Tạm giao cho ông Ngô Thanh P được tiếp tục quản lý di sản của ông G và bà G1 chết để lại chưa được phân chia mà thực tế ông đang quản lý, sử dụng theo họa đồ ngày 10/03/2021 ở các thửa 252-1 và 271-1 biểu thị tại các điểm A, B, C, D, E, G, H.

14. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Ngô Thanh P sang cho bà Ngô Thị X, Ngô Thị H đối với diện tích đất ở thửa số 39, tờ bản đồ số 16, xã T theo diện tích đất mà bà Ngô Thị X, Ngô Thị H được chia theo bản án này khi các đương sự có yêu cầu.

15. Bà Ngô Thị X, bà Ngô Thị H có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục về đăng ký đất đai để được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 41, thửa số 39, tờ bản đồ số 16 mà bà X, bà H được nhận kỷ phần thừa kế theo bản án này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/3/2022, bị đơn ông Ngô Thanh P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X, bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Thanh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn ông Ngô Thanh P và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung:

Căn cứ Hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08/6/2021 thửa đất số 39, 40, 41, tờ bản đồ số 16, xã T, huyện B và Hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/3/2021 thửa đất số 252, 271, tờ bản đồ số 18, xã T, huyện B:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị X yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với các phần đất do cha mẹ bà chết không để lại di chúc hiện do ông Ngô Thanh P đang đứng tên quyền sử dụng đất và đăng ký kê khai gồm:

+ Phần đất có diện tích 40,8m² thuộc một phần thửa 41 được ký hiệu tại thửa 41-2 diện tích 39,4m², thửa 11 diện tích 1,4m², hiện tại chị Trương Thị Kim T1 đang quản lý, sử dụng.

+ Phần đất có diện tích 285,8m² thuộc một phần thửa 39 được ký hiệu tại thửa 39-3 diện tích 285,7m² và thửa 38-1 diện tích 0,1m².

+ Phần đất có diện tích 341m² thuộc một phần thửa đất 252, 271, tờ bản đồ số 18, nhưng được nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 170.500.000 đồng (theo biên bản định giá tài sản ngày 18/11/2021).

- Nguyên đơn bà Ngô Thị H yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với các phần đất do cha mẹ bà chết không để lại di chúc hiện do ông Ngô Thanh P đang đứng tên quyền sử dụng đất và đăng ký kê khai gồm:

+ Phần đất có diện tích 286,8m² tại một phần thửa 39 được ký hiệu tại thửa 39-4. Phần đất tại thửa số 41, tờ bản đồ số 16 bà Ngô Thị H không yêu cầu chia.

+ Phần đất có diện tích 341m² thuộc một phần thửa đất 252, 271, tờ bản đồ số 18, nhưng được nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 170.500.000 đồng (theo biên bản định giá tài sản ngày 18/11/2021).

- Bị đơn ông Ngô Thanh P thừa nhận các thửa đất số 39, 40, 41, tờ bản đồ số 16 và các thửa 252, 271, tờ bản đồ số 18 có nguồn gốc của cha mẹ ông mua và khai khẩn, do ông là con trai út nên lúc sinh thời cha mẹ ông đã cho ông các thửa đất này, hiện ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 39, 40 vào ngày 25/12/2014, còn thửa đất số 41 và thửa 252, 271 thì ông đang đứng tên trong sổ địa chính chưa được cấp quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà X, bà H thì ông không đồng ý, ông yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện vì yêu cầu chia di sản của cụ G đã hết. Bị đơn bà Võ Thị H1 xác định các thửa đất trên là của cha mẹ chồng bà cho chồng bà nên không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của bà X, bà H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị T có ý kiến từ chối nhận di sản của cụ G và cụ G1 chết để lại, ông Ngô Văn Đ trình bày chưa có yêu cầu chia di sản của cụ G và cụ G1 chết để lại.

[2] Về các hàng thừa kế, thời hiệu thừa kế và di sản yêu cầu chia thừa kế:

[2.1] Các đương sự thống nhất thừa nhận và chính quyền địa phương xác nhận, lúc sinh thời cụ Ngô Văn G và cụ Phạm Thị G1 có 06 người con gồm: Ngô Thị B, Ngô Thị T, Ngô Văn Đ, Ngô Thị X, Ngô Thị H và Ngô Thanh P.

Cụ G chết ngày 19/5/1988 nên thời điểm mở thừa kế của cụ G thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ G gồm có: Cụ Phạm Thị G1 và 06 người con là Ngô Thị B, Ngô Thị T, Ngô Văn Đ, Ngô Thị X, Ngô Thị H và Ngô Thanh P.

Cụ G1 chết ngày 02/11/2016 nên thời điểm mở thừa kế của cụ G1 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ G1 gồm có: 06 người con là Ngô Thị B, Ngô Thị T, Ngô Văn Đ, Ngô Thị X, Ngô Thị H và Ngô Thanh P.

Đến ngày 17/5/2019 bà Ngô Thị X, Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản cụ G và cụ G1 chết để lại. Mặc dù thời điểm bà X, bà H khởi kiện đã hơn 30 năm kể từ ngày cụ G chết (năm 1988), tuy nhiên thời điểm cụ G chết thì Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990 chưa được công bố, mà theo nội dung Án lệ số 26/2018/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu thừa kế là kể từ ngày công bố pháp lệnh thừa kế là ngày 10/9/1990. Do đó, tính đến ngày bà X, bà H khởi kiện yêu cầu di sản thừa kế cụ G và cụ G1 chết để lại thì còn thời hiệu khởi kiện (đến ngày 10/9/2020 mới hết thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của cụ G, cụ G1 chết từ năm 2016 còn thời hiệu), đề nghị của ông P yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện hết thời hiệu 30 năm

đối với yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông G chết để lại là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về di sản của cụ Ngô Văn G và cụ Phạm Thị G1 chết để lại:

* Một phần thửa đất số 252, 271, tờ bản đồ số 18, xã T, huyện B, có diện tích 2046,8m² theo hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/3/2021:

Các đương sự thống nhất thừa nhận phần đất này do cụ G và cụ G1 khai khẩn từ năm 1975 để lại, hiện tại ông P đang quản lý sử dụng chưa được cấp quyền sử dụng đất, được ông P kê khai đăng ký vào sổ mục kê vào năm 2010 (BL186), hiện trạng có một phần là đất giồng trồng dừa hầu có diện tích 1341,9m², một phần là ao tôm diện tích 704,9m². Theo Công văn số 487/UBND ngày 21/9/2020 của UBND xã T, huyện B (BL 75) thì thửa đất số 252, tờ bản đồ số 18 nằm ngoài vùng quy hoạch đất rừng phòng hộ tỉnh Bến Tre, nếu hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp thì đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X, bà H, bà B, bà T đều khai, lúc còn sống cụ G và cụ G1 không có cho ông P thửa đất này, ông P và ông Đ trình bày cụ G và cụ G1 đã cho ông P phần đất này từ năm 1982, tuy nhiên ông P không có chứng cứ gì để chứng minh và hiện tại ông cũng chưa được cấp quyền sử dụng đất các thửa đất này. Như vậy, có căn cứ xác định, một phần thửa đất số 252, 271, tờ bản đồ số 18, xã T, huyện B, có diện tích 2046m² là di sản của cụ G, cụ G1 chết để lại chưa được phân chia cho ai. Do đó, bà X, bà H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 252, 271 là có căn cứ được chấp nhận.

* Thửa đất số 39, 40, 41, tờ bản đồ số 16, xã T, huyện B, có diện tích 1803,4m² theo hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 29/4/2020:

- Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 16 do ông Ngô Thanh P đứng tên trong sổ địa chính, chưa được cấp quyền sử dụng đất. Trên thửa 41 hiện tại ông Ngô Văn Đ, chị Trương Thị Kim T1, ông Ngô Thanh P đang sử dụng như sau:

Ông Ngô Văn Đ sử dụng và cất nhà trên diện tích 100,6m² thuộc một phần thửa 41 ký hiệu tại thửa 41-1 diện tích 96,6m², thửa 12 diện tích 2,2m², thửa 43-1 diện tích 1,8m² (các điểm N, I, H, G).

Chị Trương Thị Kim T1 (con bà X) sử dụng và cất nhà trên diện tích 40,8m² thuộc một phần thửa 41 ký hiệu tại thửa 41-2 diện tích 39,4m², thửa 11 diện tích 1,4m² (các điểm M, N, I, J).

Ông Ngô Thanh P sử dụng diện tích 49,4m² thuộc một phần thửa 41 được ký hiệu tại thửa 41-3 diện tích 46,3m², thửa 11-1 diện tích 3,1m² (các điểm L, K, J, M).

- Thửa đất số 39, 40, tờ bản đồ số 16 do hộ ông Ngô Thanh P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 17/02/2002 (thửa cũ là thửa 570, 571, tờ bản đồ số 2). Trên thửa 39, 40 hiện tại ông Ngô Thanh P và ông Ngô Văn Đ đang quản lý sử dụng như sau:

+ Ông Ngô Văn Đ sử dụng và cất nhà trên diện tích 754,9m² thuộc thửa 40 diện tích 732,8m², thửa 42-1 diện tích 12,5m², thửa 63-1 diện tích 1,5m² và thửa 39-2 diện tích 8,1m² (các điểm E, B, C, D).

+ Ông Ngô Thanh P sử dụng diện tích 905,1m² thuộc thửa 39 diện tích 845,8m², thửa 39-2 diện tích 8,1m², thửa 40-2 diện tích 9,8m², thửa 38-1 diện tích 0,1m² (các điểm A, B, E, F). Hiện trạng là đất giồng trồng hoa màu và 01 ngôi mộ của cụ Phạm Thị G1.

Các đương sự thống nhất thừa nhận các thửa đất 39, 40, 41, tờ bản đồ số 16 là do cụ G và cụ G1 mua của bà Ba Hoả vào năm 1967, do đó các thửa đất 39, 40, 41 là tài sản chung của cụ G và cụ G1.

Về quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/02/2002 thửa đất số 570, 571, tờ bản đồ số 2 (thửa mới là thửa số 39, 40, tờ bản đồ số 16) cho hộ ông Ngô Thanh P:

Ông P cho rằng, các thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông, do cha ông là cụ G chết để lại cho ông và mẹ ông là cụ G1 cho ông ½ quyền sử dụng đất còn lại, tuy nhiên ông không có chứng cứ chứng minh cụ G và cụ G1 đã cho ông các thửa đất này hay ý kiến của các hàng thừa kế thứ nhất của cụ G thống nhất để ông đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số 2177/UBND-NC ngày 04/9/2020 của UBND huyện B thì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Thanh P ngày 17/02/2002 không thể hiện các thành viên trong hộ ông P. Tại Công văn số 423/CAH-HC ngày 04/9/2020 của Công an huyện B thì tại thời điểm năm 2002 bà Phạm Thị G1 là chủ hộ hiện tại, ông Ngô Thanh P là thành viên trong hộ. Tại Công văn số 335/UBND-NC ngày 15/02/2022 của UBND huyện B nêu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 570, 571, xã T không bắt buộc phải có ý kiến của bà Phạm Thị G1 UBND huyện B vẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Thanh P.

Như vậy, việc UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 17/02/2002 thửa đất số 570, 571, tờ bản đồ số 2 cho hộ ông Ngô Thanh P mà không có ý kiến của cụ Phạm Thị G1 và các hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Văn G là không phù hợp quy định của pháp luật về thừa kế. Do các thửa đất trên là tài sản của cụ G, cụ G1 nên không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Võ Thị H1, Ngô Thanh Chiêu B, Ngô Thị Mỹ N, Võ Thị T2, Ngô Thanh P nên Văn bản chấp thuận việc đứng tên cá nhân trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập ngày 05/12/2014 tại UBND xã T là không hợp pháp, do đó quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ ông Ngô Thanh P sang cho cá nhân ông Ngô Thanh P đối với thửa đất số 39, 40, tờ bản đồ số 16 cũng không phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các thửa đất trên đang có tranh chấp về thừa kế nên không cần thiết phải huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ngô Thanh P ngày 25/12/2014.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy các thửa số 39, 40, 41, tờ bản đồ số 16 không phải là tài sản riêng của ông Ngô Thanh P mà là tài sản chung của cụ G và cụ G1 chết không để lại di chúc, do đó bà X, bà H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa số 39, 40, 41 là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về việc chia thừa kế theo quy định của pháp luật di sản của cụ Ngô Văn G và cụ Phạm Thị G1 theo quy định tại Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015:

Trong quá trình giải quyết vụ án, 02 người con của cụ G và cụ G1 là bà Ngô Thị B, Ngô Thị T đã từ chối nhận nhận di sản của cụ G và cụ G1 chết để lại, xét thấy việc từ chối nhận di sản của bà B, bà T là trên tinh thần tự nguyện nên được ghi nhận. Như vậy, hàng thừa kế của cụ G, cụ G1 được chia chỉ còn bà X, bà H, ông Đ, ông P.

[3.1] Thừa đất số 39, 40, tờ bản đồ số 16, là di sản của cụ G và cụ G1, qua đo đạc thực tế có diện tích là $1610,6\text{m}^2$ nên phần của mỗi người là $805,3\text{m}^2$.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ G (chết năm 1988) gồm có 05 người: cụ Phạm Thị G1 và Ngô Văn Đ, Ngô Thị X, Ngô Thị H, Ngô Thanh P, mỗi người được hưởng là $805,3\text{m}^2 / 5 = 161\text{m}^2$. Cụ G1 nhận di sản có tổng diện tích $805,3\text{m}^2 + 161\text{m}^2 = 966,3\text{m}^2$.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ G1 (chết năm 2016) gồm có 04 người: Ngô Văn Đ, Ngô Thị X, Ngô Thị H, Ngô Thanh P, mỗi người được hưởng là $966,3\text{m}^2 / 4 = 241,5\text{m}^2$.

Như vậy, thửa đất số 39, 40, tờ bản đồ số 16 thì ông Ngô Văn Đ, Ngô Thanh P, Ngô Thị X, Ngô Thị H mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có diện tích là $402,5\text{m}^2$ ($241,5\text{m}^2 + 161\text{m}^2$).

Tuy nhiên, theo yêu cầu khởi kiện thì bà Ngô Thị X chỉ yêu cầu được nhận phần đất có diện tích $285,8\text{m}^2$ ký hiệu tại thửa 39-3 diện tích $285,7\text{m}^2$ và thửa 38-1 diện tích $0,1\text{m}^2$, bà H chỉ yêu cầu được nhận phần đất có diện tích $286,8\text{m}^2$ tại thửa ký hiệu 39-4, nhận thấy là ít hơn kỷ phần mà hai bà được nhận theo quy định nhưng đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 BLTTDS 2015 nên được ghi nhận.

Mặc dù, diện tích bà X yêu cầu nhận là $285,8\text{m}^2$ và bà H diện tích $286,8\text{m}^2$ dưới mức diện tích tối được phép tách thửa được quy định tại Điều 3 của Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình của bà X, bà H không có đất, hoàn cảnh gia đình nhiều khó khăn về chỗ ở, chồng bị thương tật mất một tay, con bệnh tâm thần, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn về chỗ ở nên cần thiết cho bà X được nhận phần diện tích $285,8\text{m}^2$ để tạo điều kiện cho bà có chỗ ở ổn định, chăm lo cho cả gia đình hai bà, mặc khác đây là di sản của cha mẹ hai bà để lại nên giao cho hai bà là phù hợp với quy định tại mục 2 Điều 1 của Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND về việc quy định diện tích tối thiểu được tách

thừa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Do đó, buộc ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1 phải có nghĩa vụ giao phần đất cho bà X, bà H được chia như trên.

Tại phiên tòa, bà X và bà H đều xác định ông P và bà H1 có đổ 40 xe cát mỗi xe $03m^3$, tức $120m^3$ đất (mỗi m^3 có giá 110.000 đồng) vào phần diện tích $845,8m^2$, nên khi bà X, bà H nhận phần đất mà ông P và bà H1 đã bỏ chi phí đổ cát vào thì phải có nghĩa vụ hoàn giá trị tiền đổ đất tương ứng với diện tích được nhận. Theo biên bản định giá tài sản ngày 18/11/2021 thì tổng số chi phí đổ cát mà vợ chồng ông P, bà H1 bỏ ra là 13.200.000 đồng, bà X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông P, bà H1 là 4.463.000 đồng, bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông P, bà H1 là 4.478.600 đồng.

[3.2] Thừa đất số 41, tờ bản đồ số 16, là di sản của cụ G và cụ G1, qua đo đạc thực tế có diện tích là $190,8m^2$ chưa được cấp quyền sử dụng đất nhưng không có tranh chấp với người thứ ba, hiện do ông P đang quản lý, nên được chia thừa kế theo pháp luật theo Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ G, cụ G1 gồm có 06 người con, tuy nhiên bà B, bà T, bà H từ chối nhận di sản thừa đất này nên được chia thừa kế làm 03 phần cho bà X, ông Đ, ông P, mỗi người được nhận là $190,8m^2/3 = 63,6m^2$.

Tuy nhiên, bà X chỉ yêu cầu được nhận phần đất có diện tích là $40,8m^2$ ngay phần đất mà hiện tại chị Trương Thị Kim T1 con đẻ bà X đã và đang cất nhà ở để bà tạo điều kiện cho con bà có chỗ ở ổn định là sự tự nguyện của bà và phù hợp với hiện trạng con bà X đang sử dụng nên được ghi nhận. Xét thấy, mặc dù diện tích đất ở thửa 41 bà X nhỏ hơn diện tích đất tối thiểu để tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, nhưng xét về điều kiện, hoàn cảnh của bà X, chị Kim T gặp khó khăn về chỗ ở và hiện tại chị Kim T đã cất nhà và đang sử dụng phần diện tích đất này nên xét thấy cần thiết giao cho bà X được nhận diện tích $40,8m^2$ ở thửa đất 41 này là phù hợp với quy định tại mục 2 Điều 1 của Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Bến Tre Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND về việc quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

[3.3] Thừa đất số 252, 271, tờ bản đồ số 18, là di sản của cụ G và cụ G1, qua đo đạc thực tế có diện tích là $2046m^2$ chưa được cấp quyền sử dụng đất nhưng không có tranh chấp với người thứ ba, hiện do ông P đang quản lý, nên được chia thừa kế theo pháp luật theo Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ G, cụ G1 gồm có 06 người con, tuy nhiên bà B, bà T từ chối nhận di sản nên được chia thừa kế làm 04 phần cho bà X, bà H, ông Đ, ông P, mỗi người được nhận là $2046m^2/4 = 511,5m^2$.

Tuy nhiên, bà X, bà H mỗi người chỉ yêu cầu được nhận đất có diện tích 341m² nhưng được nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 170.500.000 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 18/11/2021, xét thấy yêu cầu là sự tự nguyện của bà X, bà H và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Đối với kỷ phần của ông Ngô Văn Đ và ông Ngô Thanh P, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và ông P đều không có yêu cầu chia di sản thừa kế kỷ phần của hai ông Đ nhận, do đó phần đất của ông Đ tạm giao cho ông Đ quản lý, của ông P đang quản lý tiếp tục quản lý, nếu có tranh chấp yêu cầu chi thừa kế thì các ông có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Thanh P sang cho bà Ngô Thị X, Ngô Thị H theo diện tích đất mà bà X, bà H đã được phân chia.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của ông Ngô Thanh P là không có căn cứ nên không Đ chấp nhận.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông P phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Ngô Thanh P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 157, 158, 165, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 609, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự; Điều 100, 101, 167 của Luật đất đai và Án lệ số 26/2018/AL; Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Điều 12, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xác định di sản thừa kế của cụ Ngô Văn G và cụ Phạm Thị G1 để lại gồm:

+ Thửa đất số 39, 40, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Ngô Thanh P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2014.

+ Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Ngô Thanh P đứng tên trong sổ địa chính.

+ Một phần thửa đất số 252, 271, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre có diện tích 2046,8m² được ký hiệu tại thửa 252-1 và 271-1 do ông Ngô Thanh P đứng tên trong sổ địa chính.

2. Ghi nhận sự kiện ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Thanh P chưa có yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ G và cụ G1 chết để lại trong cùng vụ kiện này.

3. Ghi nhận sự kiện bà Ngô Thị B, Ngô Thị T từ chối nhận toàn bộ di sản của cụ Ngô Văn G và cụ Phạm Thị G1 chết để lại.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị X, Ngô Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1.

5. Bà Ngô Thị X được nhận kỷ phần thừa kế ở thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 có diện tích là 285,8m² được ký hiệu tại thửa 39-3 diện tích 285,7 m², thửa 38-1 diện tích 0,1m² theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08/6/2021.

6. Bà Ngô Thị X được nhận kỷ phần thừa kế ở thửa đất 41, tờ bản đồ số 16, diện tích là 40,8m² được ký hiệu tại thửa 41-2 diện tích 39,4m², thửa 11 diện tích 1,4m² theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08/6/2021 (hiện do chị Trương Thị Kim T1 đang quản lý, sử dụng). Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng bắc giáp thửa 11; hướng nam giáp đường; hướng đông giáp phần còn lại thửa 41; hướng tây giáp phần còn lại thửa 41.

7. Buộc ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1 phải có nghĩa vụ giao cho bà Ngô Thị X phần diện tích đất ở thửa số 39, tờ bản đồ số 16, xã T diện tích là 285,8m² được ký hiệu tại thửa 39-3 diện tích 285,7m², thửa 38-1 diện tích 0,1m² theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08/6/2021. Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng bắc giáp đường; hướng nam giáp thửa 65; hướng đông giáp phần còn lại của thửa 39 (do bà H nhận); hướng tây giáp thửa 38.

8. Bà Ngô Thị X được nhận kỷ phần thừa kế ở thửa đất 252, 271, tờ bản đồ số 18, xã T có diện tích là 341m² nhưng được nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 170.500.000 (một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc ông Ngô Thanh P phải có nghĩa vụ giao số tiền 170.500.000 (một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn) đồng cho bà Ngô Thị X khi bản án có hiệu lực pháp luật.

9. Bà Ngô Thị H được nhận ký phần thừa kế ở thửa số 39, tờ bản đồ số 16, được ký hiệu tại thửa 39-4 diện tích 286,8m² theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08/6/2021.

Ghi nhận bà Ngô Thị H không yêu cầu nhận thừa kế ở thửa số 41, tờ bản đồ số 16 do ông P đứng tên trong hồ sơ địa chính.

Buộc ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1 phải có nghĩa vụ giao cho bà Ngô Thị H phần diện tích đất ở thửa số 39, tờ bản đồ số 16, được ký hiệu tại thửa 39-4 diện tích 286,8m². Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng bắc giáp đường; hướng nam giáp thửa 65; hướng tây giáp phần còn lại thửa 39 (do bà X nhận); hướng đông giáp phần còn lại thửa 39 do ông P sử dụng.

10. Bà Ngô Thị H được nhận ký phần thừa kế ở thửa đất 252, 271, tờ bản đồ số 18, xã T có diện tích là 341m² nhưng được nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 170.500.000 (một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc ông Ngô Thanh P phải có nghĩa vụ giao số tiền 170.500.000 (một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn) đồng cho bà Ngô Thị X khi bản án có hiệu lực pháp luật.

11. Buộc bà Ngô Thị X phải có nghĩa vụ hoàn trả chi phí đồ cát cho ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1 số tiền là 4.463.000 (bốn triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

12. Buộc bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả chi phí đồ cát cho ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị H1 số tiền là 4.478.600 (bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm) đồng.

13. Tạm giao cho ông Ngô Văn Đ được tiếp tục quản lý di sản của cụ G và cụ G1 chết để lại chưa được phân chia phần của ông Đ và ông P đối với toàn bộ diện tích đất ở thửa số 40, tờ bản đồ số 16 mà ông đang quản lý, sử dụng biểu thị ở các điểm: E, D, C, B, được ký hiệu ở các thửa 39-2 diện tích 8,1m², thửa 40 diện tích 732,8m², thửa 42-1 diện tích 12,5m², thửa 63-1 diện tích 1,5m².

Thửa số 41, tờ bản đồ số 16 mà ông đang quản lý sử dụng biểu thị ở các điểm G, H, I, H, tại các thửa 43 diện tích 1,8m², thửa 12 diện tích 2,2m², thửa 41-1 diện tích 96,6m².

Tạm giao cho ông Ngô Thanh P được tiếp tục quản lý di sản của cụ G và cụ G1 để lại chưa được phân chia phần của ông Đ và ông P đối với một phần diện tích thửa 39 mà thực tế ông đang quản lý, sử dụng được ký hiệu tại thửa 39-5 biểu thị tại các điểm A2, B, E, E1, và thửa số 41, tờ bản đồ số 16, được ký hiệu tại thửa 11-1, thửa 41-3 biểu thị tại các điểm M, J, K, L, theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08/6/2021.

Tạm giao cho ông Ngô Thanh P được tiếp tục quản lý di sản của cụ G và cụ G1 chết để lại chưa phân chia phần mà thực tế ông đang quản lý, sử dụng được ký

hiệu tại các thửa 252-1, thửa 271-1 biểu thị tại các điểm A, B, C, D, E, G, H, theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/03/2021.

14. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Ngô Thanh P sang cho bà Ngô Thị X, Ngô Thị H đối với diện tích đất ở thửa số 39, tờ bản đồ số 16 theo diện tích đất mà bà Ngô Thị X, Ngô Thị H được chia theo bản án này khi các đương sự có yêu cầu.

15. Bà Ngô Thị X, bà Ngô Thị H có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục về đăng ký đất đai để được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 39, 41, tờ bản đồ số 16 mà bà X, bà H được nhận kỷ phần thừa kế theo bản án này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

16. Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị X tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 9.495.500 đồng.

17. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị X được miễn.

Bà Ngô Thị H phải chịu án phí theo quy định là 25.758.900 (hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn chín trăm) đồng.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000 (tám trăm hai mươi lăm triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003508 ngày 08/7/2019 và số tiền là 4.262.500 (bốn triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003397 ngày 01/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

18. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Thanh P phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005989 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

Phạm Kim CỬA